

Bản án số: 100/2024/HS-ST

Ngày: 30/5/2024.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quý.

2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2024/TLST-HS ngày 30/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 949/2024/QĐXXST-HS ngày 14/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 1072 ngày 28/5/2024 đối với bị cáo:

Văn Thị Thu T, tên gọi khác: không; sinh ngày 21/3/2001 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: **H Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Văn Thế T1**, sinh năm 1976 và bà **Doãn Thị H**, sinh năm 1970; chồng, con: không; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2024, đến ngày 05/4/2024 được thay đổi biện pháp tạm giam sang Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1993; trú tại: **D đường C, khu phố B, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt).

2. Ông **Tiêu Văn T2**, sinh năm 1990; trú tại: **1 T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt).

3. Bà **Huỳnh Phương Thoại H1**, sinh năm 2002; trú tại: **2 B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt);

Người làm chứng: Bà Phùng Thị V, sinh năm 2002; trú tại: B Ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2024, thông qua mối quan hệ xã hội, Văn Thị Thu T quen biết Nguyễn Thanh S và từng đi ăn uống chung. T sử dụng tài khoản Z và T3 cùng tên “Muội” đăng ký bằng số điện thoại 0969210301 kết bạn với tài khoản Z và T3 cùng tên “Kelvin” của S để khi S và bạn đi ăn uống, muốn có bạn nữ ngồi chơi cùng và mua dâm thì liên lạc. Đồng thời, do làm Spa nên T quen biết và kết bạn với nhiều chị em phụ nữ, trong đó có một số đồng ý đi tiếp khách, ăn uống và bán dâm cho khách khi khách có nhu cầu.

Ngày 13/02/2024, S nhắn tin trao đổi với T về việc ngày 15/02/2024 S sẽ cùng bạn đi ăn uống, muốn ngồi chung với T và các bạn nữ, có thể sẽ mua dâm nếu có nhu cầu, nhờ T liên hệ giúp. Qua trao đổi, T báo giá mỗi bạn nữ ngồi chơi phục vụ ăn uống là 5.000.000 đồng, giá mua dâm là 10.000.000 đồng/1 lần quan hệ tình dục/1 người và 20.000.000 đồng/1 người nếu mua dâm và ngủ qua đêm, S đồng ý.

Khoảng 15 giờ ngày 15/02/2024, S đi cùng bạn là Tiêu Việt T4 và T5, L (không rõ lai lịch) đến nhà hàng P, số A S, phường B, Quận A ăn uống. Khoảng 30 phút sau, S gọi điện và nhắn địa chỉ cho T, yêu cầu T đến ngồi chơi cùng. Khi đến nơi, T ngồi cùng S phục vụ rót bia. Sau đó, bạn của S có nhu cầu muốn ngồi chơi với các bạn nữ nên yêu cầu T liên hệ gọi đến chơi cùng. T lấy ảnh của một số bạn nữ có sẵn trong điện thoại (do T kết bạn và quen biết từ trước) cho Tiêu V1 T4 xem để chọn, T4 chọn Huỳnh Phương Thoại H1 và muốn mua dâm H1, T báo lại giá với T4 và yêu cầu T4 đưa tiền mua dâm trực tiếp cho H1 thì T4 đồng ý. Hai người bạn còn lại của S thì kêu T tự gọi giúp 2 bạn nữ đến ngồi chơi cùng, không đề cập đến việc mua dâm. Sau đó, T nhắn tin Z gọi H1 cùng 2 người bạn khác tên “H2” và “Miu” (không rõ lai lịch) đến ngồi chơi cùng. T nhắn với H1 giá bán dâm là 10.000.000 đồng/1 lần quan hệ, sau khi quan hệ xong thu tiền về, chuyển khoản lại cho T 4.000.000 đồng tiền công môi giới thì H1 đồng ý. Lát sau, H2 và M đến trước ngồi phục vụ rót bia, ăn uống với T5 và L, còn H1 đến sau ngồi chơi cùng T4, ngồi được khoảng 15 phút thì S thanh toán tiền ăn uống. Sau đó, T5, L, H2, M đi về, còn T, H1 cùng S, T4 đón taxi đến khách sạn B, số A B, phường B, Quận A. Tại đây, S, T4 gặp chị Phùng Thị V (nhân viên lễ tân) để thuê phòng, thực hiện hành vi mua bán dâm. T và S thuê phòng 308, còn H1 và T4 thuê phòng 208. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi T và S, H1 và T4 đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an Q kiểm tra, phát hiện đưa tất cả về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Văn Thị Thu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm như trên.

Huỳnh Phương Thoại H1, Huỳnh Thanh S1 và Tiêu Văn T2 khai nhận hành vi mua bán dâm phù hợp với lời khai của Văn Thị Thu T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã chuyển hồ sơ yêu cầu Công an phường B, Quận A ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với H1, S1, T2.

Phùng Thị V khai nhận khi nhóm của S1, T2 đến thuê phòng, V không biết các đối tượng thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm.

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ tại hiện trường: 02 (hai) bao cao su (đã qua sử dụng); 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu video ghi nhận hình ảnh T và các đối tượng đến đặt phòng tại khách sạn B.

- Thu giữ của Văn Thị Thu T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xanh, số I: 356103506072299.

- Thu giữ của Nguyễn Thanh S: 10.000.000 đồng (tiền S trả cho việc mua dâm của T).

- Thu giữ của Tiêu Văn T2: 10.000.000 đồng (tiền T2 trả cho việc mua dâm của H1).

Tại bản Cáo trạng số 89/CT-VKS-Q1 ngày 24/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Văn Thị Thu T về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Văn Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh “Môi giới mại dâm” là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Văn Thị Thu T về tội “Môi giới mại dâm”. Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Văn Thị Thu T từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 10.000.000 đồng tiền S trả cho T để mua dâm và 10.000.000 đồng tiền T2 trả cho H1 để mua dâm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xanh, số I: 356103506072299.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu video ghi nhận hình ảnh T và các đối tượng đến đặt phòng tại khách sạn B.

Bị cáo **Văn Thị Thu T** thống nhất với tội danh và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin được khoan hồng để có điều kiện ở ngoài lao động, phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo **Văn Thị Thu T**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung trình bày của bị cáo **Văn Thị Thu T** tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 30 ngày 15/02/2024, tại **nhà hàng P, số A S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** trong lúc ngồi ăn nhậu cùng với **Nguyễn Thanh S** và những người bạn của **S** là **Tiêu Việt T4, T5** và **L**, **Văn Thị Thu T** đã lấy ảnh của một số bạn nữ có sẵn trong điện thoại của **T** cho **Tiêu V1 T4** xem để **T4** chọn người đến ngồi nhậu cùng và mua dâm, **T** báo cho **T4** giá mua dâm là 10.000.000 đồng/1 lần/1 người bán dâm. Sau khi **T4** chọn **Huỳnh Phương Thoại H1**, **T** nhắn với **H1** giá bán dâm là 10.000.000 đồng/1 lần quan hệ, sau khi quan hệ xong thì thu tiền về và chuyển khoản lại cho **T** 4.000.000 đồng tiền công môi giới thì **H1** đồng ý. Ngoài ra, **T** còn đồng ý trực tiếp bán dâm cho **Nguyễn Thanh S** với giá 10.000.000 đồng/1 lần quan hệ. Sau đó, **T, S, T4, H1** bắt taxi đến **khách sạn B, số A B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** để thuê phòng. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi **T** và **S** đang ở phòng 308, **H1** và **T4** đang ở phòng 208 của khách sạn thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

[3] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] và [2] có cơ sở xác định bị cáo **Văn Thị Thu T** phạm tội “Môi giới mại dâm” khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo **Văn Thị Thu T** là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến văn hóa, đạo đức, thuần phong, mỹ tục của dân tộc Việt Nam và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, là mầm mống gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác. Bị cáo nhận thức được hành vi môi giới mại dâm bị Nhà nước nghiêm cấm, nếu vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm nhưng vì mục đích tư lợi mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm thì mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất hành vi và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng hình phạt tiền được quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[9] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo **Văn Thị Thu T** có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; kể từ khi được tại ngoại đến nay đều chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật có đủ các điều kiện được hưởng án treo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo **T** phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đảm bảo tính răn đe, ngăn ngừa tội phạm.

[10] Xét hành vi của các đối tượng liên quan:

Đối với **Nguyễn Thanh S**, **Tiêu Việt T4**, **Huỳnh Phương Thoại H1** có hành vi mua, bán dâm, **Công an phường B**, **Quận A**, **Thành phố Hồ Chí Minh** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Đối với **Phùng Thị V** là lễ tân khách sạn B, số A B, phường B, Quận A, **Thành phố Hồ Chí Minh**. Khi nhóm của **S**, **T4** đến thuê phòng, **Phùng Thị V** không biết những người này thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm, Cơ quan điều tra không xử lý đối với **Phùng Thị V** là có căn cứ.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Đối với 02 (hai) bao cao su, vỏ bao cao su đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xanh thu giữ của bị cáo **Văn Thị Thu T**. Bị cáo đã sử dụng điện thoại để thỏa thuận việc môi giới

mại dâm. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng **S** trả cho **T** để mua dâm và số tiền 10.000.000 đồng **T4** trả cho **H1** để mua dâm. Đây là các khoản tiền liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 đĩa DVD chứa dữ liệu video ghi nhận hình ảnh **T** và các đối tượng đến đặt phòng tại **khách sạn B**. Đây là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[12] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Văn Thị Thu T** phạm tội “Môi giới mại dâm”.

1. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo **Văn Thị Thu T** 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Văn Thị Thu T** cho **Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo **Văn Thị Thu T** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su có chữ “Durex”, 01 vỏ bao cao su có chữ “SLM 001”.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, màu xanh, số Imei 1: 356103506072299, số Imei 2: 356103505001570 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) và số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

(Các vật chứng trên theo Phiếu nhập vật chứng số 106/2024/PNK-THAHS ngày 01/4/2024 và Phiếu nhập vật chứng số 107/2024/PNK-THAHS ngày 01/4/2024 của Đ Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Văn Thị Thu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021, bị cáo Văn Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt bao gồm: ông Nguyễn Thanh S, ông Tiêu Văn T2, bà Huỳnh Phương Thoại H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích án treo).

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 1, TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (1)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Công an Quận 1; (1)
- Chi cục THADS Quận 1; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Đường sự; (4)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/20) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng